

Thời gian : 9h00 - 25/03/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%				
1	112230500	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	K14KTR1	0				0	0			HP	0.0	Không	NỢ HP	
2	122230538	PHÙNG TUẤN AN	K14KTR1	7.5				7	7			V	0.0	Không		
3	122230592	LÊ NGỌC KHÁNH	K14KTR1	0				0	0			HP	0.0	Không	NỢ HP KỲ 7.8	
4	132234818	PHAN ANH ĐÀO	K14KTR1	6.5				7.5	7			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
5	132234893	NGUYỄN QUANG SÁNG	K14KTR1	7				7	4			7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
6	132234899	HOÀNG CHIẾN THẮNG	K14KTR1	8				7	7.5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
7	132234933	TRỊNH HỒNG TUẤN	K14KTR1	7				8	7			0	0.0	Không		
8	142231374	PHAN ĐỨC ANH	K14KTR1	7				7	6			4	5.3	Năm phẩy Ba		
9	142231377	KIỀU HUỖNH HẠNH CHÂU	K14KTR1	5				7	5			2.5	0.0	Không		
10	142231379	NGUYỄN VĂN CHÍNH	K14KTR1	8				7.5	6.5			5	6.1	Sáu phẩy Một		
11	142231380	ĐẶNG HỮU CƯỜNG	K14KTR1	8				7.5	5			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
12	142231382	HUỖNH VĂN DUY	K14KTR1	8				7.5	6.5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
13	142231384	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	K14KTR1	6.5				6.5	7.5			4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
14	142231387	ĐINH ANH DŨNG	K14KTR1	7.5				8	6			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
15	142231389	HOÀNG QUANG DƯƠNG	K14KTR1	7				7	5			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
16	142231391	LÊ TÚ LINH GIANG	K14KTR1	7.5				8	7.5			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
17	142231394	LÊ NGUYỄN VĂN HAPPY	K14KTR1	8				7.5	6.5			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
18	142231396	NGUYỄN MẠU HOÀNG	K14KTR1	8				7	0			7	6.5	Sáu phẩy Năm		
19	142231398	NGUYỄN KHÁNH HƯNG	K14KTR1	6.5				7	7			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
20	142231400	NGUYỄN ĐÌNH HUY	K14KTR1	7				6.5	5			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
21	142231403	TRẦN ĐÌNH VŨ KHÁNH	K14KTR1	7.5				7.5	6.5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
22	142231405	ĐINH NGỌC LAM	K14KTR1	8				8	6.5			ĐC	0.0	Không		
23	142231406	PHAN THỊ MỸ LINH	K14KTR1	8				7.5	7			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
24	142231410	CAO NGỌC LONG	K14KTR1	7.5				7.5	7			4	5.5	Năm phẩy Năm		
25	142231414	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	K14KTR1	8				8	7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
26	142231417	NGUYỄN CÔNG NGÀ	K14KTR1	8.5				7.5	6			3	0.0	Không		
27	142231418	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	K14KTR1	8.5				8	6.5			0.5	0.0	Không		
28	142231421	HỒ THỊ TUYẾT NHI	K14KTR1	7.5				7.5	7			0	0.0	Không		
29	142231425	THÂN TRỌNG PHONG	K14KTR1	8				7	8			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
30	142231431	NGÔ QUANG TÂM	K14KTR1	10				8	8			8	8.3	Tám phẩy Ba		
31	142231434	NGUYỄN QUANG THÁI	K14KTR1	8				7	6.5			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
32	142231440	NGUYỄN THANH THIÊN	K14KTR1	7				7	5			0	0.0	Không		
33	142231442	NGUYỄN KIM THỊNH	K14KTR1	6.5				7	7			1	0.0	Không		
34	142231448	HOÀNG TRỊ	K14KTR1	7.5				7	7.5			1	0.0	Không		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%					
35	142231451	NGUYỄN ĐỨC ANH	TRUNG	K14KTR1	8					7	6.5			3	0.0	Không	
36	142234502	NGUYỄN VĂN QUỐC	ÂN	K14KTR1	8.5					8	7			ĐC	0.0	Không	
37	142234507	HUỶNH THỊ CẨM	HÀ	K14KTR1	8.5					7.5	6.5			4	5.6	Năm phẩy Sáu	
38	142234511	HUỶNH CÔNG	KHÁNH	K14KTR1	8					8	6			3	0.0	Không	
39	142234512	LÊ HOÀNG	LONG	K14KTR1	6					7	6			2	0.0	Không	
40	142234513	ĐẶNG VŨ BÁ	MINH	K14KTR1	7.5					7.5	6.5			2.5	0.0	Không	
41	142234514	TRẦN VĂN	NHỰT	K14KTR1	5.5					6.5	3			1.5	0.0	Không	
42	142234518	PHAN VĂN THÁI	TRUNG	K14KTR1	7					7.5	6.5			ĐC	0.0	Không	
43	142234539	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	K14KTR1	7.5					7.5	6			2.5	0.0	Không	
44	142234540	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	K14KTR1	6.5					6	0			1.5	0.0	Không	
45	142234542	NGUYỄN CÔNG	HOAN	K14KTR1	6.5					6.5	6			2.5	0.0	Không	
46	142234543	LÊ THỊ BÍCH	HUỆ	K14KTR1	7					7.5	6.5			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
47	142234544	TRẦN DUY	MẠNH	K14KTR1	9					8	6.5			ĐC	0.0	Không	
48	142234550	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	K14KTR1	8					8	7.5			4	5.8	Năm phẩy Tám	
49	142234581	ĐẶNG THỊ	ĐÀO	K14KTR1	7					7.5	7			3	0.0	Không	
50	142234582	HOÀNG	HẢI	K14KTR1	8					8	7.5			4.5	6.0	Sáu	
51	142234585	PHẠM QUANG	HUY	K14KTR1	7					7.5	6.5			7	7.1	Bảy phẩy Một	
52	142234598	NGUYỄN THỊ	THU	K14KTR1	8.5					8	6			0	0.0	Không	
53	142234643	ĐINH NAM	CA	K14KTR1	7.5					7.5	6.5			1	0.0	Không	
54	142234867	MAI THỊ HỒNG	QUYÊN	K14KTR1	8					8.5	6			4.5	6.0	Sáu	
55	142234953	NGUYỄN NAM	PHÁI	K14KTR1	5					7	7			3	0.0	Không	
56	112260530	DƯƠNG QUANG	HUY	K14KTR2	3					7	6			0	0.0	Không	
57	122230543	NGUYỄN THÁI	BÁ	K14KTR2	4					5	7			HP	0.0	Không	NỢ HP
58	122230640	NGUYỄN TẤN	TÀI	K14KTR2	7					7	6			6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
59	132234807	PHAN NGUYỄN	ANH	K14KTR2	8					7.5	6.5			0.5	0.0	Không	
60	132234824	PHẠM XUÂN	ĐỨC	K14KTR2	7					7.5	6			ĐC	0.0	Không	
61	132234841	VÕ VĂN	HẠNH	K14KTR2	7					7.5	6.5			V	0.0	Không	
62	132234884	CHU VĂN	PHƯỚC	K14KTR2	8					8	6			ĐC	0.0	Không	
63	132234946	KIỀU XUÂN	CƯỜNG	K14KTR2	6					7	7			5	5.8	Năm phẩy Tám	
64	142231376	HUỶNH VŨ	CA	K14KTR2	6.5					7	6			ĐC	0.0	Không	
65	142231378	TRẦN THỊ QUỲNH	CHÂU	K14KTR2	8.5					8	6			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
66	142231385	TRẦN PHAN MINH	ĐỨC	K14KTR2	8					7.5	7			5	6.2	Sáu phẩy Hai	
67	142231402	NGUYỄN HOÀNG LONG	KHÁNH	K14KTR2	7					7.5	6			4	5.4	Năm phẩy Bốn	
68	142231409	BÙI ĐÌNH	LỢI	K14KTR2	8					7.5	6.5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
69	142231412	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	K14KTR2	9					8	7			8	8.1	Tám phẩy Một	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%					
70	142231415	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	NAM	K14KTR2	8					7.5	6.5			4	5.6	Năm phẩy Sáu	
71	142231419	TRẦN XUÂN	NGHĨA	K14KTR2	8					7.5	6.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
72	142231420	HOÀNG NGỌC TUẤN	NHÂN	K14KTR2	4					7	7			4.5	5.2	Năm phẩy Hai	
73	142231426	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	K14KTR2	7					7.5	6			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
74	142231428	TRƯƠNG PHÚ	QUÍ	K14KTR2	7.5					8	7			4	5.6	Năm phẩy Sáu	
75	142231430	TRẦN NGỌC	TÀI	K14KTR2	8.5					8	8			4	5.9	Năm phẩy Chín	
76	142231432	NGUYỄN NHẬT	TÂN	K14KTR2	7.5					7.5	7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
77	142231433	TRẦN PHI	THÀNH	K14KTR2	6.5					7	6.5			9	8.0	Tám	
78	142231443	NGUYỄN VĂN	THƠ	K14KTR2	0					0	0			HP	0.0	Không	NỢ HP KỲ 7.8
79	142231444	TRẦN CÔNG	THỦ	K14KTR2	6					7	6			8	7.3	Bảy phẩy Ba	
80	142231445	TRẦN ĐÌNH	TIỀN	K14KTR2	8					7.5	6.5			8	7.8	Bảy phẩy Tám	
81	142231446	TRƯƠNG LÊ	TOÀN	K14KTR2	8.5					8	6.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
82	142231450	LÊ HOÀNG	TRỌNG	K14KTR2	7					8	6.5			9	8.3	Tám phẩy Ba	
83	142231452	NGUYỄN HIỀN	TRUNG	K14KTR2	7					7	7			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
84	142231455	LÊ NGỌC	TUẤN	K14KTR2	8					7.5	7.5			7	7.3	Bảy phẩy Ba	
85	142231456	PHẠM VĂN	TUẤN	K14KTR2	7.5					7	7			8.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
86	142231457	BÙI SƠN	TÙNG	K14KTR2	8.5					8	7.5			6	6.9	Sáu phẩy Chín	
87	142231458	LÊ CÔNG	TÙNG	K14KTR2	8					7	6.5			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
88	142231460	PHAN PHƯỚC	TƯỜNG	K14KTR2	7					7	0			7	6.3	Sáu phẩy Ba	
89	142231461	NGUYỄN THỊ NHẬT	UYÊN	K14KTR2	7.5					8	7.5			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
90	142231462	LƯƠNG HÙNG	VƯƠNG	K14KTR2	7.5					6	7			5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
91	142231467	ĐỖ HOÀNG	VƯƠNG	K14KTR2	6					5	6			6	5.8	Năm phẩy Tám	
92	142231471	VÕ ĐẠI	VINH	K14KTR2	6.5					7	7			4	5.3	Năm phẩy Ba	
93	142233206	PHAN NGỌC TÚ	QUỲNH	K14KTR2	7					8	8			6	6.8	Sáu phẩy Tám	
94	142234503	PHAN THÀNH	TRUNG	K14KTR2	7.5					5.5	5.5			9	7.7	Bảy phẩy Bảy	
95	142234504	NGUYỄN ĐỨC	CÔNG	K14KTR2	8					8	6.5			8.5	8.1	Tám phẩy Một	
96	142234505	HUỲNH THỊ	DIỄM	K14KTR2	8.5					8	7.5			4.5	6.1	Sáu phẩy Một	
97	142234506	PHAN THÁI	DƯƠNG	K14KTR2	8					7	6.5			3	0.0	Không	
98	142234509	TRẦN THỊ KIM	HƯỜNG	K14KTR2	8					8	6			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
99	142234517	PHAN HOÀNG	THIỆN	K14KTR2	7					6	7			5	5.7	Năm phẩy Bảy	
100	142234546	VÕ ĐỖ HỒNG	QUÂN	K14KTR2	8.5					8	6.5			V	0.0	Không	
101	142234580	LÊ QUỐC	ÂN	K14KTR2	8					8	7.5			4.5	6.0	Sáu	
102	142234587	LÊ TRỌNG	LONG	K14KTR2	8					8	7			6	6.8	Sáu phẩy Tám	
103	142234590	DIỆP CÔNG	NO	K14KTR2	8					8	6.5			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
104	142234592	PHẠM NGỌC	QUYẾT	K14KTR2	7					7	3			5	5.5	Năm phẩy Năm	

Thời gian : 9h00 - 25/03/2012

Học kỳ : 8

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
105	142234594	PHẠM THỊ DI SA	K14KTR2	8				7.5	6			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
106	142234596	PHAN THỊ THU THẢO	K14KTR2	7.5				7.5	7			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
107	142234600	TRƯƠNG VĂN VƯƠNG	K14KTR2	8.5				8	6.5			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
108	142234646	HÀ THỊ TRÀ MY	K14KTR2	5.5				7	7			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
109	142234650	TRẦN ĐÌNH VŨ	K14KTR2	9				8	7			5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
110	142234799	PHAN VĂN THẮNG	K14KTR2	8				8	6.5			4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
111	142234955	NGUYỄN ANH TUẤN	K14KTR2	7				8	6.5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	74	67%	
2	Số sinh viên nợ	37	33%	
TỔNG CỘNG :		111	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 10/04/2012
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ